

Huân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4136/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 19 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000
Khu xử lý chất thải Quang Trung tại xã Quang Trung, huyện Thống Nhất**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án nhiệm vụ quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4193/TTr-SXD ngày 25/9/2019, Văn bản số 5009/SXD-QLHTĐT ngày 08/11/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu xử lý chất thải Quang Trung tại xã Quang Trung, huyện Thống Nhất với các nội dung chính sau:

1. Phạm vi ranh giới: Khu đất dự án thuộc xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, có ranh giới được xác định như sau:

- a) Phía Bắc : Giáp vườn cao su của nông trường cao su Bình Lộc.
- b) Phía Nam : Giáp đỉnh đồi.
- c) Phía Đông : Giáp suối Hai Cô và đất cao su thuộc Nông trường cao su Bình Lộc.
- d) Phía Tây : Giáp đường đất nhỏ và suối cạn.

2. Quy mô lập quy hoạch

a) Quy mô diện tích : Khoảng 129,405 ha

b) Tỷ lệ lập quy hoạch : 1/2.000.

3. Tính chất, mục tiêu

a) Xây dựng khu xử lý chất thải đô thị và công nghiệp (nguy hại và thông thường) tập trung, liên huyện với sự đồng bộ về kết cấu hạ tầng, các hạng mục phụ trợ, bãi chôn lấp và các hạng mục công trình tái chế, tái sử dụng, xử lý, tiêu hủy chất thải.

b) Nhằm tổ chức không gian các hạng mục xử lý chất thải, các công trình hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy hoạch tổng thể của khu vực; lập kế hoạch sử dụng đất theo từng giai đoạn phù hợp với nhu cầu xử lý chất thải phát sinh trên địa bàn.

c) Xác định tính chất, quy mô, cơ cấu phân khu chức năng sử dụng đất, tổ chức khu xử lý phân loại xử lý, tái chế chất thải, quy hoạch đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật: giao thông, san nền, cấp - thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc,...các quy định về bảo vệ môi trường.

d) Tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng, tiến hành triển khai đầu tư xây dựng, và tạo động lực thu hút các nhà đầu tư.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

a) Chỉ tiêu sử dụng đất:

STT	Chức năng sử dụng đất	Chỉ tiêu (%)	Tỷ lệ (%)
1	Khu điều hành, phụ trợ	≤ 15	3÷5
2	Khu tái chế chất thải	≤ 65	10÷15
3	Khu chôn lấp		15÷20
4	Khu xử lý sinh học		15÷30
5	Đất giao thông - sân bãi	≥ 10	10÷15
6	Đất cây xanh, mặt nước	≥ 15	18÷22

b) Mật độ xây dựng

Mật độ xây dựng toàn khu

: $\leq 50\%$, trong đó:

- Khu xử lý, tái chế

: $\leq 60\%$.

- Khu điều hành, phụ trợ

: $\leq 20-30\%$.

c) Tầng cao xây dựng

- Khu xử lý, tái chế

: 01 ÷ 03 tầng, chiều cao $\leq 15\text{m}$.

- Khu điều hành, phụ trợ

: 01 ÷ 02 tầng, chiều cao $\leq 10\text{m}$.

d) Chỉ tiêu hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Chỉ tiêu cấp nước

: $23 \text{ m}^3/\text{ha/ngày}$.

- Chỉ tiêu thoát nước : 80% nước cấp.
- Chỉ tiêu cấp điện : 120 Kwh/ha.
- Chỉ tiêu thông tin liên lạc khu điều hành : 20 máy/ha.
- Chỉ tiêu thông tin liên lạc khu chức năng khác : 02 máy/ha.

5. Công nghệ xử lý

Áp dụng công nghệ xử lý, tái chế, thu hồi chất thải phù hợp, chỉ thực hiện chôn lấp chất thải, chất trơ sau khi đã được xử lý, tái chế, thu hồi đảm bảo tỷ lệ chôn lấp không được vượt quá 15%.

6. Quy hoạch sử dụng đất, phân khu chức năng, chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc

a) Quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh

ST T	Ký hiệu	Chức năng sử dụng đất	Được duyệt 1/2.000 (Quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 06/9/2009)		Điều chỉnh	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	KHU A, 10,68 HA		10,68	8,22	10,68	8,25
	A1	Khu điều hành, trạm cân, bãi xe, sàn rửa xe, nhà bảo vệ	3,00		2,35	
	A2	Khu phân loại và lưu giữ chất thải công nghiệp	1,87		1,87	
	A3	Khu xử lý tái chế chất thải công nghiệp	1,90		1,90	
	A4	Khu chôn lấp hợp vệ sinh	1,00		1,00	
	A5	Ô chôn lấp chất thải nguy hại	-		0,65	
		Cây xanh	1,75		0,71	
		Đường giao thông, mương thoát nước	1,16		2,20	
II	KHU ĐẤT QUY HOẠCH		119,32	91,78	118,73	91,75
1	Đất xây dựng công trình xử lý chất thải		73,50	56,54	79,84	61,70
	B	Khu tái chế phân vi sinh và thực nghiệm cây xanh	5,50		13,19	
	C	Khu xử lý và tái chế chất thải, bao gồm công nghệ đốt phát điện (giai đoạn 1)	20,00		18,47	
	D	Khu xử lý và tái chế chất thải, bao gồm công nghệ đốt phát điện (giai đoạn 2)	18,90		18,62	
	E	Khu chôn lấp chất thải nguy hại	8,00		7,01	
	F1	Khu chôn lấp chất thải hợp vệ sinh (giai đoạn 1)	3,60		3,60	

	F2	Khu chôn lấp chất thải hợp vệ sinh (giai đoạn 2)	17,00		13,65	
	K1	Khu xử lý chất thải lỏng	0,50		0,50	
	I	Khu xử lý chất thải điện tử	-		2,40	
	J	Khu kho bãi tiền xử lý chất thải	-		2,40	
2	Đất xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật		45,82	5,25	38,89	0,05
	K2	Khu xử lý nước thải tập trung	0,50		0,50	
	G	Bãi đậu xe	0,50		0,24	
	H	Hồ chứa nước mưa, hệ thống thu gom và trạm bơm (H1, H2)	2,00		1,50	
	B1	Khu thử nghiệm cây xanh	1,50		-	
		Cây xanh	30,20		26,40	
		Đường giao thông, mương thoát nước	11,12		10,25	
TỔNG			130,00	100,00	129,405	100,00

b) Quy hoạch phân khu chức năng

Với diện tích khoảng 129,405 ha được phân thành các khu chức năng chính sau:

- Khu A, 10,68 ha (Kí hiệu lô A): Nằm ở phía Bắc, phía Đông của khu vực quy hoạch, gồm các hạng mục công trình tập trung chủ yếu trên trục đường chính vào khu quy hoạch.

+ Nhà điều hành quản lý (Kí hiệu A1):

Bố trí xây dựng trên khu đất hẹp do địa hình thay đổi, độ chênh cao, phức tạp. Công trình có quy mô nhỏ nhưng đủ chức năng các phòng quản lý điều hành khu vực.

Khuôn viên xung quanh nhà điều hành là các sân tập thể dục thể thao như bóng chuyền, cầu lông, bóng rổ, vườn hoa, thảm cỏ và các loại cây cảnh kết hợp cây bóng mát tôn thêm vẻ đẹp cho công trình.

+ Nhà kho (Kí hiệu A2): Gồm hai khối nhà tiền chế vách tôn, lợp tôn trên nền móng bê tông cốt thép, gắn liền với bãi đậu xe và được bố trí gần cổng để phục vụ cho khu xử lý gồm các công đoạn phân loại, lưu giữ trước khi xử lý.

+ Khu xử lý tái chế chất thải công nghiệp (Kí hiệu A3): Xây dựng tiếp giáp với dãy nhà kho, gồm các hạng mục công trình có quy mô vừa và nhỏ liên thông với nhau bởi sân đường nội bộ. Tại đây có dây chuyền xử lý tái chế chất thải công nghiệp thải ra từ các khu công nghiệp, nhà máy.

+ Khu chôn lấp hợp vệ sinh (Kí hiệu A4): Nằm phía Bắc của dự án tiếp giáp trục đường X3, diện tích khoảng 1,00 ha.

+ Ô chôn lấp nguy hại (Kí hiệu A5): Nằm phía Bắc của dự án tiếp giáp trục đường chính X2, diện tích khoảng 0,65 ha.

- Khu tái chế phân vi sinh (Kí hiệu lô B): Đây là tổ hợp công trình sản xuất phân compost. Gồm nhà chứa trang thiết bị, dây chuyền sản xuất phân, nhà kho, kho thành phẩm, các phòng quản lý vận hành, với diện tích khoảng 13,19 ha.

- Khu xử lý và tái chế chất thải, bao gồm công nghệ đốt phát điện (Kí hiệu lô C, lô D):

+ Lô C gồm 3 lô, mật độ xây dựng gộp tối đa 60%, chiều cao xây dựng từ 1÷3 tầng (10÷13 m), hệ số sử dụng đất $K=2$.

+ Lô D gồm 11 lô, mật độ xây dựng gộp tối đa 60%, chiều cao xây dựng từ 1 ÷ 3 tầng (10÷13 m), hệ số sử dụng đất $K=2$.

- Khu chôn lấp chất thải:

+ Khu chôn lấp chất thải nguy hại (Kí hiệu lô E): Gồm 18 hố chôn có kích thước giống nhau 40 m x 60 m. Đường công tác xung quanh.

+ Khu chôn lấp chất thải hợp vệ sinh (F1, F2): Được chia làm hai khu vực thực hiện.

Khu vực F1: Đầu tư thực hiện 4 hố chôn với kích thước lần lượt là: 1 hố 50 m x 100 m; 2 hố 75mx90m; 1 hố 50 m x 150 m và một hồ chứa nước rỉ rác nằm về phía Bắc của khu đất.

Khu vực F2: Gồm 10 hố có kích thước 90 m x 100 m (2 hố); 100 m x 100 m (6 hố); 50 m x 100 m; 50 m x 200 m và một hồ chứa nước rỉ rác 1.000 m² nằm ở phía Nam khu đất.

Khoảng cách các mép hố chôn lấp từ 5 m - 10 m đủ để làm đường công tác cho xe đổ rác.

- Bãi xe (Kí hiệu lô G, lô G1): Bãi đỗ xe được bố trí tại khu vực nút giao đường D2 và N3, nhằm tiện việc đi lại và đậu xe cho lô C, lô D, cũng như gửi xe của cán bộ công nhân viên làm việc tại Khu xử lý chất thải Quang Trung.

- Hồ chứa nước và trạm bơm (Kí hiệu lô H1, lô H2):

+ Hồ (H1): Diện tích khoảng 0,50 ha nằm ở phía Đông của dự án giáp với trục đường D4, là hồ chứa nước dự trữ.

+ Hồ (H2): Diện tích khoảng 1,00 ha nằm ở phía Bắc là hồ chứa nước dự trữ.

- Khu xử lý chất thải điện tử (Kí hiệu lô I): Nằm phía Nam Khu E tại vị trí góc giao giữa trục đường N2 và đường D4, diện tích khoảng 2,40 ha.

- Khu kho bãi và tiền xử lý chất thải (Kí hiệu lô J): Nằm phía Nam Khu E tại vị trí góc giao giữa trục đường N2 và đường D2, diện tích khoảng 2,40 ha.

- Khu xử lý chất thải lỏng (Kí hiệu lô K):

+ Khu xử lý chất thải lỏng (K1): Nằm giữa khu xử lý chất thải tập trung và Trạm tái chế chất thải làm phân compost. Gồm các hồ chứa nước thải trước khi

xử lý, các thiết bị xử lý chất thải lỏng khác liên hoàn nhau, diện tích khoảng 0,5 ha.

+ Khu xử lý chất thải tập trung (K2): Nằm cạnh khu xử lý chất thải lỏng, về phía Bắc, diện tích khoảng 0,5 ha.

c) Các chỉ tiêu xây dựng

Stt	KÝ HIỆU	Diện tích (ha)	MĐX D (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số sử dụng đất	Chỉ giới xây dựng (m)
I	Khu A, 10,68ha	10,68				
	A1	2,35	20-30	1-2	2	10 - 20
	A2	1,87	45-60	1-3	2	10 - 20
	A3	1,90	45-60	1-3	2	5 - 10
	A4	1,00				10 - 20
	A5	0,65				5
	Cây xanh	0,71				
	Đường giao thông, mương thoát nước	2,20				
II	Khu đất quy hoạch	118,73				
1	Đất xây dựng công trình xử lý chất thải	79,84				
	Lô B	13,19	50-55	1-3	2	10 - 15
	Lô C	18,47	≤ 60	1-3	2	10
	C1	3,17				
	C2	9,00				
	C3	6,30				
	Lô D	18,62	≤ 60	1-3	2	10
	D1	1,00				
	D1'	1,00				
	D2	1,95				
	D3	1,96				
	D4	1,44				
	D5	1,81				
	D6	1,57				
	D7	1,30				
	D8	2,12				
	D9	0,74				
	D10	1,60				
	D11	2,13				
	Lô E	7,01				5 - 10
	Lô F	17,25				
	F1	3,60				10 - 20

	F2	13,65				5 - 10
	Lô K1	0,50	45-60	1-3	2	10
	Lô I	2,40	≤ 60	1-3	2	5 - 10
	Lô J	2,40	≤ 60	1-3	2	5 - 10
2	Đất xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật	38,89				
	Lô K2	0,50	45-60	1-3	2	10
	Lô G	0,24	60	1	2	
	Lô H	1,50				
	H1	0,50				
	H2	1,00				
	Cây xanh	26,40				
	Đường giao thông, mương thoát nước	10,25				
	TỔNG	129,405				

7. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan - thiết kế đô thị

a) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

- Bố cục không gian toàn khu được bố cục theo tuyến, các khu chức năng được bố trí bám theo các trục đường chính trong dự án.

- Hệ thống giao thông được thiết kế phân chia khu vực bám theo điều kiện địa hình tự nhiên tạo thành các đường bao khu vực.

- Các khu chức năng chính được thiết kế tại khu vực cổng chính và khu vực dọc trục chính từ đường X2 đến đường D2, tạo ấn tượng cho dự án.

- Mặt nước trong dự án được thiết kế phân tán trong các khu chức năng, cải tạo vi khí hậu cho khu vực được thiết kế.

- Khu tiếp nhận phân loại rác thải, các công trình xử lý chất thải, khu xử lý nước rỉ rác tập trung và các hạng mục phụ trợ hạ tầng kỹ thuật.

- Khu cây xanh được thiết kế tạo các mảng xanh lớn bao quanh khu vực chôn lấp và xử lý chất thải (E, I, J) và nằm dọc ranh của dự án tạo sự gắn kết trong bố cục không gian kiến trúc cảnh quan toàn khu.

- Không gian trọng tâm của dự án là khu hành chính và khu nhà xưởng dọc hai bên trục đường chính X2 kết hợp mảng cây xanh lớn.

- Khu tái chế phân compost: Là khu tái chế chất thải thông thường, bố trí phía Đông Bắc của dự án.

b) Thiết kế đô thị

- Dự án là Khu xử lý chất thải nằm vị trí có địa hình đồi phức tạp và chủ yếu các khối công trình là nhà xưởng. Trục cảnh quan chính:

+ Trục chính: Đường X2 xuất phát từ cổng chính, đường D2, lộ giới từ 14,5 m (4 - 7,5 - 4 m) đến 32m (5 - 7,5 - 6 - 7,5 - 6 m).

+ Trục phụ: Đường X1, X3, X4, N3, N2, D5, D6 là các trục đường phân lô, lộ giới từ 13,5 m (3 - 7,5 - 3 m) đến 15,5 m (4 - 7,5 - 4 m). Đường D1, D3, D4, N1, N4 bao vòng ngoài phía Tây, phía Nam, phía Đông của dự án, lộ giới từ 12 m (3 - 6 - 3 m) đến 14,5 m (3 - 7,5 - 4 m).

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch giao thông

- Giao thông đối ngoại:

+ Từ khu xử lý chất thải có tuyến đường ngoài ranh nội khu xử lý với đường Suối Tre - Bình Lộc.

+ Với lượng chất thải tiếp nhận vào khu xử lý, lượng xe ra vào khu xử lý chất thải không nhiều, khoảng 50 - 70 xe/ngày (xe 5 - 10 tấn) nên không ảnh hưởng đến giao thông chung hiện hữu.

- Giao thông nội khu:

+ Dựa vào hình dáng ranh khu đất, cao độ và giao thông đối ngoại, mạng lưới đường điện 22 KV, hệ thống đường giao thông nội khu được thiết kế nhằm vận chuyển chất thải theo quy hoạch chung như sau:

+ Đối với chất thải công nghiệp: xe vận chuyển từ bên ngoài vào đến khu vực tiếp nhận và phân loại chất thải được bố trí nằm ngay cửa ngõ của khu xử lý. Việc vận chuyển chất thải từ khu vực tiếp nhận và phân loại chất thải đến các công trình xử lý và bãi chôn lấp sẽ được thực hiện bằng xe chuyên dùng nội bộ.

+ Đối với chất thải sinh hoạt: xe vận chuyển từ bên ngoài vào đến khu vực tiếp nhận làm phân compost, phần chất thải còn lại không có khả năng tái chế sẽ được vận chuyển từ khu vực sản xuất phân compost đến bãi chôn lấp bằng xe chuyên dùng nội bộ.

+ Bảng thống kê các loại đường:

Stt	Tên đường	Chiều dài (m)	Loại Mặt cắt	Bề rộng(m)				Diện tích(m ²)
				Mặt đường	Lề	Dải phân cách	Lộ giới	
1	Đường D1	1,020.25	5-5	7.5	4+3		14.5	15,848.43
2	Đường D2	840.53	5-5	7.5	4+3		14.5	12,384.35
3	Đường D3	886.77	2-2	6	3+3		12	11,211.96
4	Đường D4	790.49	2-2	6	3+3		12	9,632.68
5	Đường D5	273.21	3-3	7.5	3+3		13.5	3,974.91
6	Đường D6	427.77	4-4	7.5	4+4		15.5	6,517.53
7	Đường N1	749.39	5-5	7.5	4+3		14.5	11,619.31
8	Đường N2	892.50	3-3	7.5	3+3		13.5	13,366.53
			4-4	7.5	4+4		15.5	
9	Đường N3	434.94	3-3	7.5	3+3		13.5	6,285.96
10	Đường N4	276.45	2-2	6	3+3		12	3,725.76
11	Đường N5	155.68	4-4	7.5	4+4		15.5	2,522.57

Stt	Tên đường	Chiều dài (m)	Loại Mặt cắt	Bề rộng(m)				Diện tích(m ²)
				Mặt đường	Lề	Dải phân cách	Lộ giới	
12	Đường X1	292.97	4-4	7.5	4+4		15.5	4,387.72
13	Đường X2	625.42	1-1	7.5+7.5	4.5+4.5	6	30	19,690.32
14	Đường X3	207.43	2-2	6	3+3		12	2,782.59
15	Đường X4	293.08	2-2	6	3+3		12	5,449.38
	Tổng cộng	6,747.98						129,400.00

+ Độ dốc ngang mặt đường xe chạy $i=2\%$

+ Độ dốc lề đường $i=4\%$.

+ Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa hoặc bê tông xi măng.

b) Quy hoạch san nền

- Khu đất dự án có địa hình đồi núi, không bằng phẳng. Cao độ mặt đất trong khu vực chênh nhau nhiều khoảng 120 m. Mặt đất thấp nhất ở phía Bắc cao dần về phía Nam và từ giữa khu đất thấp dần về hai hướng Đông và Tây. Khu vực không bị ngập lụt.

- Các khu vực chân đồi có địa hình tương đối bằng phẳng do đó mặt bằng san nền chủ yếu bám theo địa hình tự nhiên và chủ yếu là đào để tạo mặt bằng xây dựng nhà xưởng và các công trình xử lý chất thải.

- Sườn đồi và các khu vực có địa hình cao, độ dốc $i>10\%$ được dặt thành nhiều cấp nền để giảm thiểu khối lượng san lấp.

- Các khu còn lại sử dụng phương pháp san lấp cục bộ, cụ thể như sau:

+ Khu vực lô A và lô B đã san lấp hoàn thiện và đang triển khai thi công xây dựng.

+ Khu vực lô E và lô F2 sẽ được thiết kế theo cao độ tự nhiên, được triển khai san lấp cục bộ từng ô chôn lấp, khi ô chôn lấp đạt khoảng 80% công suất tiếp nhận sẽ tiến hành san nền và xây dựng ô chôn lấp kế tiếp.

+ Đối với các khu vực còn lại tiến hành san lấp tạo thuận lợi xây dựng công trình và thuận tiện kết nối giao thông.

- Công tác san nền sẽ tuân thủ theo hướng thoát nước tự nhiên vào các điểm tụ thủy hiện hữu nên không ảnh hưởng đến việc thoát nước chung của toàn khu vực. Đối với các khu vực chưa cần thiết san lấp vẫn giữ nguyên mặt phủ tự nhiên và sẽ san lấp cục bộ khi triển khai thi công xây dựng.

- Do các hạng mục công trình xử lý chất thải được xây dựng trên lô đất cao nên công tác san nền chủ yếu là công tác đào. Đất đào từ công tác san nền được dùng để tạo lớp phủ cho các bãi chôn lấp khoảng 20%, dùng san lấp các khu vực trũng trong khu đất dự án khoảng 5% và còn lại khoảng 75% san lấp mặt bằng các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

c) Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách riêng với nước thải. Các tuyến thoát nước được bố trí dọc theo các trục đường, kết hợp giữa cống tròn, cống hộp và mương hở chảy vào 02 hồ chứa (diện tích khoảng 1,5ha) sau đó xả trực tiếp ra suối theo địa hình tự nhiên. Ngoài ra xung quanh khu xử lý cũng xây dựng các mương thoát nước để bảo đảm thu gom, điều tiết và kiểm soát chất lượng toàn bộ lượng nước mưa trên khu đất của khu xử lý chất thải trước khi chảy ra bên ngoài, đồng thời phòng chống không cho nước từ bên ngoài chảy vào khu xử lý.

- Từ khu đất khu xử lý có 4 cửa thoát nước mưa:

+ Về phía Đông khu đất khu xử lý có 2 cửa thoát nước mặt theo đường tự thủy chảy vào suối Hai Cô, tiếp tục chảy về hướng Bắc vào hồ Tam Bung. Hồ Tam Bung là khu vực trữ nước để điều tiết nước, không có mục đích sử dụng rõ rệt. Chiều dài suối từ khu xử lý ra đến hồ Tam Bung khoảng 30 km.

+ Về phía Tây khu đất khu xử lý có 2 cửa thoát nước mặt theo đường tự thủy thoát ra suối Gou Dung, băng qua quốc lộ 20 chảy dọc về hướng Bắc về hướng khu các cụm chăn nuôi, sau đó chảy ra về hướng Bắc vào hồ Trị An thuộc khu vực xã Gia Tân 1. Chiều dài suối từ khu xử lý ra đến hồ Trị An khoảng 40 km.

d) Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Hiện trạng Khu xử lý chất thải Quang Trung đang sử dụng nước ngầm khai thác từ 02 giếng khoan với dung lượng 300 m³/ngày được cấp phép khai thác, nhưng chỉ phục vụ cho khu vực chôn lấp và xử lý chất thải ở phía bên trái trục đường chính của khu vực.

- Thời gian tới cần thiết phải đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước máy, nguồn nước dự kiến được lấy từ Nhà máy nước của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân. Theo kế hoạch thì Công ty CP Cấp nước Gia Tân sẽ cấp nước sạch cho khu vực dự án với đầy đủ lượng nước cần tiêu thụ với áp lực công tác của nguồn nước tại công nhà máy đạt khoảng 1,0÷1,5 kg/cm². Với áp lực này thì nước chỉ có thể tự chảy từ cao độ +146 m (tại công nhà máy) đến cao độ +156 m (tại vị trí khu đất bên cạnh khu điều hành). Để tạo cột áp cấp nước đến các khu vực cao hơn cần phải xây dựng bể chứa và trạm bơm tăng áp.

- Để dẫn nước từ nguồn vào bể chứa và trạm bơm tăng áp, xây dựng mới tuyến ống chính D160 từ cống vào, chiều dài khoảng 350 m.

- Mạng lưới ống cấp nước sản xuất các khu A, B đã xây dựng hoàn thiện, trong hồ sơ điều chỉnh này chỉ bổ sung thêm mạng lưới ống cấp nước cho các khu C, D, E, I và J.

- Mạng lưới ống cấp nước sản xuất sinh hoạt có đường kính từ D90÷D110 mm, bố trí dọc theo các tuyến đường nội bộ cấp nước đến tất cả các điểm dùng nước, cột áp tại từng khu tối thiểu là h=12 m.

- Các tuyến ống được bố trí trên lề đường, tìm ống cách chỉ giới đường đỏ 0,70 m. Tại các nút của mạng lưới bố trí van khoá để sửa chữa từng đoạn khi

cần thiết. Tại điểm cao nhất trên mạng lưới bố trí van xả khí và điểm thấp nhất đặt van xả cạn.

- Nước chữa cháy được lấy từ bể chứa nước PCCC hiện hữu. Bố trí các trụ PCCC dọc theo các tuyến ống trên toàn mạng lưới và tại các điểm có nguy cơ xảy ra hỏa hoạn. Khoảng cách giữa các trụ chữa cháy phụ thuộc vào địa hình và đặc trưng công trình nhưng không vượt quá 150 m.

- Để đảm bảo cột áp cấp nước cho các khu vực có cao độ cao hơn +156 m cần xây dựng trạm bơm tăng áp nằm ở gần đường trục chính với diện tích khoảng 500 m² trong đó bố trí bể chứa nước sạch, nhà đặt máy bơm, hệ thống điện điều khiển và nhà điều hành.

- Tổng nhu cầu dùng nước của toàn dự án là: 1.000 m³/ngày.đêm.

đ) Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Hệ thống thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thoát nước mưa, đảm bảo thu gom hết các loại nước thải của dự án. Nước thải sau khi xử lý đạt giới hạn cho phép của quy chuẩn. Cụ thể như sau:

- + Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại ba ngăn sau đó được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày.

- + Nước rỉ rác hệ thống ủ phân compost: Lượng nước rỉ rác từ trạm tái chế chất thải làm phân compost của khu xử lý được tái sử dụng hoàn toàn để phun lên luống ủ, không thải ra môi trường.

- + Nước rỉ rác từ ô chôn lấp hợp vệ sinh: Nước rỉ rác được bơm ra ngoài ô chôn lấp bằng máy bơm nước di động dẫn đến hồ chứa nước rỉ rác trước khi được đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của khu xử lý chất thải.

- + Nước thải từ hệ thống xử lý khí lò đốt: Nước dùng cho xử lý khí thải được tuần hoàn tái sử dụng và định kỳ 1 lần/tuần vệ sinh và bổ sung nước, không phát sinh nước thải, phần cặn lắng phía dưới được thu gom để hóa rắn và chôn lấp an toàn.

- + Nước thải từ trạm xử lý hóa lý chất thải lỏng: Nước thải từ hệ thống ngâm tẩy và súc rửa kim loại, nhựa, nước thải từ hệ thống phá dỡ thu hồi ắc quy, nước thải từ hệ thống tái chế nhựa nilong được đưa về xử lý sơ bộ tại trạm xử lý hóa lý chất thải lỏng công suất 100 tấn/ngày (tương đương 100 m³/ngày). Toàn bộ lượng nước thải này sau đó được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung 200 m³/ngày của Khu xử lý chất thải để xử lý triệt để đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A và dẫn vào hồ chứa để tái sử dụng, không xả ra môi trường.

- + Nước rỉ rác từ bãi chôn lấp an toàn: xây dựng 01 hồ chứa có thể tích 192 m³ để dự phòng chứa nước rỉ rác trong trường hợp phát sinh.

- Hệ thống ống thu gom nước thải chung toàn khu vực là hệ thống đường ống áp lực đi nổi, sử dụng đường ống nhựa PVC áp lực, không có hố ga. Nước

thải từ các khu vực sẽ được bơm vào đường ống PVC áp lực về trạm xử lý nước thải trung tâm.

e) Quy hoạch hệ thống điện

- Nguồn điện cấp cho dự án được lấy từ lưới điện Quốc gia thông qua tuyến trung thế 22kV của điện lực huyện Thống Nhất chạy dọc theo Quốc lộ 20 lấy từ trạm 110/22kV Kiệm Tân và sẽ đầu tư bổ sung tuyến dây đầu nối 22kV dài 3 km và trạm biến áp. Để đảm bảo đóng cắt và cách ly với nguồn khi có sự cố hoặc sửa chữa, cải tạo lưới điện, ở đầu tuyến trung thế vào sẽ lắp đặt LBS (Load Break Switch), DS (Disconnection Switch) và FCO (Fuse Cut Out).

- Diện tích khu đất dự án lên đến 129,4 ha, do đó để bảo đảm điều kiện sụt áp và tổn thất trên đường dây cần lắp đặt các trạm biến áp tại các khu vực chức năng có nhu cầu sử dụng điện cao. Tổng công suất các trạm biến áp cho toàn dự án khoảng 15.163 kVA.

- Hệ thống chiếu sáng giao thông chỉ lắp đặt trên đường trục chính, nguồn điện hạ thế cấp cho hệ thống chiếu sáng giao thông được lấy trực tiếp từ trạm biến áp khu điều hành.

- Nguồn cấp điện từ các mạng điện trong khu vực do Điện lực Đồng Nai quản lý: Cấp trung thế nổi trên trụ bê tông ly tâm 12 m, chôn sâu 1,8 m, khoảng cách giữa 2 trụ khoảng 30 m.

- Tuyến đèn chiếu sáng giao thông: cáp hạ thế ngầm chôn sâu 0,8 m, trụ đèn STK loại tròn cột cao 8m, cần đèn cao 2 m, vươn 1,5 m, sử dụng bóng Sodium ánh sáng vàng công suất 250W.

g) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

- Hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc tại khu xử lý chất thải Quang Trung chưa hoàn chỉnh. Độ phủ sóng của các trạm BTS lân cận khu vực quy hoạch tương đối ổn định đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ thông tin di động.

- Nguồn tín hiệu được lấy từ các nhà mạng viễn thông có hệ thống hạ tầng đi qua khu quy hoạch. Từ điểm đầu nối trên đường Quốc lộ 20 sẽ bố trí 01 tuyến cáp quang khoảng được đầu nối với tủ cáp tại khu quy hoạch.

- Dựa vào dung lượng tính toán ở từng khu vực ta tiến hành bố trí đi cáp để phục vụ nhu cầu thuê bao của khu quy hoạch.

- Tuyến cáp sẽ được đi ngầm thông qua tuyến cống bê dục theo tuyến đường trục chính kết nối các khu dịch vụ điều hành đến hộp cáp.

- Đầu tư xây dựng mới các tuyến cáp ngầm kết nối trong khu vực, tuyến cống bê Ø60x2,8 (PVC) đi trên hè đường trong khu quy hoạch.

- Đầu tư xây dựng 01 trạm BTS có diện tích đất khoảng 100 m² (kinh phí xây dựng, lắp đặt thiết bị do các công ty viễn thông thực hiện).

- Tổng nhu cầu về thông tin liên lạc tại khu quy hoạch:

+ 22 Thuê bao cố định và internet ADSL

+ 22 thuê bao truyền hình cáp.

h) Quy hoạch hệ thống cây xanh

- Cây xanh phân tán trồng dọc theo các tuyến đường giao thông nội bộ. Các loại cây trồng là cây lâu năm, thân gỗ có tán rộng tạo bóng mát và cảnh quan. Có tác dụng trang trí, chống bụi, chống ồn, phối kết kiến trúc, tạo cảnh quan đường phố, cải tạo vi khí hậu và không làm ảnh hưởng tới các công trình hạ tầng khu vực.

- Dải cây xanh cách ly bao quanh khu xử lý với bên ngoài có chiều rộng trung bình từ 15 - 50 m. Các loại cây trồng trong dải cây xanh cách ly là cây lâu năm, thân gỗ có tán rộng như sao, dầu, lim xẹt, keo tai tượng...

i) Đánh giá môi trường chiến lược

- Tuân thủ theo Luật quy hoạch đô thị ngày 17/6/2010 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Dự án đầu tư xây dựng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật.

9. Danh mục các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng trong dự án

a) Hoàn thiện từng bước hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho các tuyến đường giao thông nội khu; đầu tư hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống cấp, thoát nước, cây xanh cho các tuyến đường theo quy hoạch trong phạm vi dự án.

b) Đầu tư xây dựng các công trình phục vụ nhu cầu xử lý rác trong phạm vi dự án.

10. Quy định quản lý

Ban hành quy định quản lý kèm theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu xử lý chất thải Quang Trung, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất.

11. Tổ chức thực hiện

a) Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi.

b) Đơn vị tư vấn: Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định Xây dựng Đồng Nai.

c) Nguồn vốn thực hiện dự án: Vốn chủ sở hữu.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung điều chỉnh tổng thể quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 được duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi có trách nhiệm:

1. Phối hợp cùng UBND huyện Thống Nhất, UBND xã Quang Trung thực hiện công bố công khai cho Nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.

2. Tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt hồ sơ nhiệm vụ cấm mốc giới theo quy định. Tổ chức triển khai cấm các mốc lộ giới theo nội dung quy hoạch ra thực địa, quản lý xây dựng theo đúng nội dung hồ sơ đã được duyệt. Hồ sơ cấm mốc giới trước khi phê duyệt phải được Sở Xây dựng chấp thuận, đảm bảo tuân thủ đúng quy hoạch được duyệt và phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào.

3. Thực hiện lập các thủ tục tiếp theo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

4. Trong quá trình lập dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật cần liên hệ với các chuyên ngành: Giao thông, cấp nước, cấp điện, bưu chính viễn thông, công an phòng cháy chữa cháy,... để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với hệ thống đầu nối hạ tầng chung tại khu vực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu xử lý chất thải Quang trung tại xã Quang Trung, huyện Thống Nhất.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Thống Nhất, Chủ tịch UBND xã Quang Trung; Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng (KTN);
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Tiến Dũng